

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-PT

Ngày 27/3/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Mai Vương Thảo

Bà Trần Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Trâm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2022/TLPT-DS ngày 01/12/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2023/QĐ-PT ngày 01/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 42/QĐ-PT ngày 23/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 54/QĐ-PT ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ông Bùi Tấn Trọng T - Sinh năm 1992 và bà Lê Việt Tr - Sinh năm 1992 - Cùng địa chỉ: 99 Tr, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị T2 - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: K104/32 Lê Độ, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Theo Giấy ủy quyền ngày 08/12/2022 tại Phòng Công chứng số 2). (Có mặt).

* *Bị đơn*: Ông Lê Phước Quý C - Sinh năm 1972 và bà Hồ Thủy T1 - Sinh năm 1978 - Cùng trú tại: 89 Tr, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Ông C có mặt, bà T1 vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr, là Nguyên đơn.
- Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2022, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Bùi Tấn Trọng T, bà Lê Việt Tr và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết và có ý định mua lại ngôi nhà của ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T1 tại địa chỉ 101 Tr, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng nên vợ chồng ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr có cho vợ chồng ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T1 vay 02 lần tiền mục đích để làm thủ tục giải chấp ngân hàng lấy Giấy tờ nhà về chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà Tr, cụ thể:

Lần thứ nhất, vào ngày 04/5/2020 vay 10.500.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 8,8%/năm.

Lần thứ hai, vào ngày 02/6/2021 vay số tiền 10.500.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 28/12/2021, lãi suất 8,8%/năm.

Ngày 05/11/2021, ông C, bà T1 cam kết đến hết ngày 28/12/2021 sẽ tất toán hợp đồng vay với Ngân hàng Viettinbank xóa thế chấp và làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất tại 101 Tr cho ông T bà Tr để trừ một phần nợ nhưng đã quá thời hạn vay, thời hạn cam kết trên ông C, bà T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay ông T, bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà T1 phải trả số tiền gốc và lãi vay của từng hợp đồng, cụ thể:

1/ Hợp đồng vay tài sản ngày 04/5/2020, số tiền vay là 10.500.000.000 đồng, lãi suất vay (*theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước*) là 8,8%, thời hạn vay 01 tháng. Tổng tiền lãi tính đến ngày xét xử là 2.233.000.000 đồng.

2/ Hợp đồng vay ngày 02/6/2021, số tiền vay là 10.500.000.000 đồng, lãi suất vay là 8,8%, thời hạn vay từ ngày 02/6/2021 đến hết ngày 28/12/2021. Tổng tiền lãi tính đến ngày xét xử là 1.232.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là 24.465.000.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 21.000.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh là 3.465.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tính lãi suất của từng hợp đồng là 8,8%/năm trên số tiền gốc tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi ông C, bà T1 thanh toán xong khoản nợ.

** Tại các biên bản hòa giải ngày 13/4/2022, 10/5/2022, 22/6/2022, 11/8/2022 cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn trình bày:*

Bản chất của việc vay mượn tiền giữa vợ chồng ông C, bà T1 với vợ chồng ông T, bà Tr là giao dịch mua bán nhà, đất. Theo đó vào đầu năm 2020 vợ chồng ông T, bà Tr có thương lượng với vợ chồng ông C, bà T1 về việc mua bán nhà và đất tại 101 Tr, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng, các bên thống nhất giá trị chuyển nhượng ngôi nhà là 10.500.000.000 đồng. Vào ngày 04/5/2020 hai bên cũng đã lập, ký Hợp đồng chuyển nhượng với nhau tuy nhiên tại thời điểm đó giấy tờ nhà đất đang được ông C, bà T1 thế chấp Ngân hàng nên không làm thủ tục công chứng được. Sau đó hai bên thống nhất ký với nhau hợp đồng vay tài sản, số tiền vay là 10.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng để ông C, bà T1 dùng số tiền này giải chấp Ngân hàng lấy giấy tờ nhà đất về để làm thủ tục chuyển nhượng cho ông T, bà Tr. Sau khi ký hợp đồng vay tiền, ông C, bà T1 đã nhận đủ số tiền 10.500.000.000 đồng. Do đó đối với yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa, bị đơn đồng ý trả số tiền gốc 10.500.000.000 đồng và số tiền lãi 2.233.000.000 đồng theo hợp đồng vay tài sản ngày 04/5/2020, thống nhất với cách tính lãi 8,8% dựa trên số tiền vay 10.500.000.000 đồng theo hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Đối với Giấy vay tiền ngày 02/6/2021, vợ chồng ông C, bà T1 thừa nhận có ký theo đề nghị của ông T, bà Tr nhưng trên thực tế vợ chồng ông, bà không nhận số tiền này. Cụ thể là sau khi vay số tiền 10.500.000.000 đồng với cam kết rút giấy tờ nhà đất 101 Tr để làm thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà Tr nhưng không thực hiện được, lúc này vợ chồng ông C, bà T1 thấy có lỗi với vợ chồng ông T, bà Tr nên đồng ý ký giấy này, mục đích là để xin thêm thời gian để làm thủ tục giải chấp nhà, đất chuyển nhượng cho ông T, bà Tr, khi hoàn thành việc chuyển nhượng thì các bên sẽ tự hủy các giấy tờ vay mượn. Bị đơn cũng cho rằng do đã vi phạm nghĩa vụ chuyển nhượng nhà, đất và cũng không trả gốc lãi với số tiền vay

trước nên chưa bao giờ đề cập vay tiền thêm của ông T, bà Tr ngoài số tiền 10.500.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 04/5/2020.

* Tại văn bản số 229/CNĐN-TH ngày 11/7/2022 và văn bản số 285/CNĐN-TH ngày 22/8/2022 Ngân hàng CT Chi nhánh Đà Nẵng xác nhận nhà và đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 57, tại địa chỉ Lô D3 - 13 Khu dân cư số 5 P, phường B, quận C thành phố Đà Nẵng (*số 101 Tr, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 183595 (*số vào sổ cấp Giấy chứng nhận H15769*) do UBND quận Hải Châu cấp ngày 29/10/2008 đang được thế chấp vay vốn tại Ngân hàng. Từ ngày 04/5/2020 đến nay ông C, bà T1 không liên hệ với Ngân hàng để làm thủ tục giải chấp đối với tài sản. Kèm theo văn bản Ngân hàng gửi Hợp đồng thế chấp bất động sản, văn bản bổ sung sửa đổi hợp đồng thế chấp và Biên bản định giá tài sản bảo đảm. Theo đó tại thời điểm định giá 04/5/2019 nhà đất được định giá 10.027.000.000 đồng.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 274; Điều 275; Điều 280; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tấn Trọng T, bà Lê Việt Tr đối với ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với số tiền 10.500.000.000đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay tiền ngày 04/5/2020.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tấn Trọng T, bà Lê Việt Tr đối với ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T1 đối với số tiền vay 10.500.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 02/06/2021.

Xử:

1. Buộc ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T1 phải trả cho ông Bùi Tấn Trọng T, bà Lê Việt Tr số tiền tổng cộng là 12.733.000.000đ (*Mười hai tỷ bảy trăm ba mươi ba triệu đồng*). Trong đó tiền gốc là 10.500.000.000đ (*Mười tỷ năm trăm triệu đồng*), Nợ lãi là 2.233.000.000đ (*Hai tỷ hai trăm ba mươi ba triệu đồng*).

Về lãi suất và nghĩa vụ chậm thi hành án: Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 01/10/2022 dựa trên Hợp đồng vay tài sản ngày 04/5/2020 (8,8%/năm) cho đến khi ông Lê Phước Quý C, bà Hồ Thủy T1 thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T1 phải chịu 120.733.000đ (*Một trăm hai mươi triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr phải chịu 119.732.000đ (*Một trăm mười chín triệu bảy trăm ba mươi hai ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 65.693.500đ ông T, bà Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000700 ngày 07/3/2022. Còn lại buộc ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr phải nộp thêm là 54.038.500đ (*Năm mươi bốn triệu không trăm ba mươi tám ngàn năm trăm đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyên đơn là ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr đề nghị sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

* Sau khi xét xử sơ thẩm Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2022 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo hướng chấp nhận số tiền nợ gốc 21.000.000.000đ và tiền lãi chậm thanh toán trên số nợ gốc theo giấy cam kết ngày 05/11/2022.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải

quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr, giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai bị đơn là bà Hồ Thủy T1 nhưng bà Hồ Thủy T1 vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Hồ Thủy T1.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, xét thấy việc rút kháng nghị của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng là tự nguyện nên căn cứ Điều 298 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng và Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

*** Về nội dung:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị HĐXX sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải trả số tiền 10.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 1.232.000.000 đồng theo Hợp đồng vay ngày 02/6/2021. Ông Lê Phước Quý C không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà Tr.

Xét kháng cáo của ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr thì thấy:

[3] Đối với số tiền 10.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng vay tiền ngày 04/5/2020:

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bên đương sự đều thừa nhận: Ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T1 là chủ sở hữu nhà và đất

tại 101 Tr, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 183595 do UBND quận Hải Châu cấp ngày 29/10/2008. Ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr có nhu cầu mua lại nhà và đất trên nên vào ngày 04/5/2020 tại Phòng Công chứng số 2 thành phố Đà Nẵng các bên có lập và ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thỏa thuận chuyển nhượng tài sản này với giá 10.500.000.000đ. Tuy nhiên thời điểm này ông C và bà T1 không cung cấp được giấy tờ về nhà đất vì tài sản này đang thế chấp Ngân hàng nên không thực hiện được việc công chứng hợp đồng. Lúc này ông C và bà T1 muốn có tiền để giải chấp nhà đất để chuyển nhượng cho ông T và bà Tr. Ông C và bà T1 cam kết thời gian để giải chấp cần 01 tháng và được ông T và bà Tr đồng ý. Do đó các bên xác lập hợp đồng vay tiền cùng ngày, số tiền vay 10.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất theo lãi suất Ngân hàng tại thời điểm vay (*tại phiên tòa các bên thừa nhận mức 8,8%/năm*), mục đích vay để thanh toán tiền Ngân hàng. Ông C và bà T1 đã tự nguyện ký hợp đồng vay và được chuyển khoản đủ số tiền vay.

Do ông C và bà T1 vi phạm thỏa thuận nên ông T và bà Tr đã khởi kiện đề nghị ông C và bà T1 phải trả số tiền đã vay và tiền lãi phát sinh. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông C và bà T1 phải trả cho ông T và bà Tr số tiền gốc là 10.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 2.330.000.000 đồng, tổng cộng là 12.733.000.000 đồng, sau khi xét xử sơ thẩm các bên đương sự không có kháng cáo nên HĐXX không xem xét.

[3] Đối với Giấy vay tiền đề ngày 02/6/2021: Ông T và bà Tr kháng cáo đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà Tr, buộc ông C và bà T1 phải trả số tiền 10.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 1.232.000.000 đồng, tổng cộng là 11.732.000.000 đồng; còn ông Lê Phước Quý C thừa nhận ông C và bà T1 có ký vào Giấy vay tiền nhưng thực tế không nhận số tiền 10.500.000.000 đồng nên không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà Tr. Xét yêu cầu của các bên đương sự thì thấy:

[3.1] Ngày 04/5/2020 ông T và bà Tr cho ông C và bà T1 vay số tiền 10.500.000.000 đồng với mục đích để ông C và bà T1 rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp trong Ngân hàng rồi làm thủ tục chuyển nhượng cho ông T và bà Tr, các bên thống nhất giá chuyển nhượng là 10.500.000.000 đồng.

Mặt khác, tại vi bằng số 129/2020/VB-TPL ngày 15/10/2020 có nội dung: *“Kể từ ngày 04/5/2020 đến nay vợ chồng chúng tôi không có khả năng thanh toán khoản vay trên cho vợ chồng ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr. Nay vợ chồng tôi đồng ý thỏa thuận thanh toán số tiền vay 10.500.000.000đ cho ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr như sau:...”*.... *“Số tiền vay 10.500.000.000đ....định giá ngang bằng giá trị quyền sử dụng đất số AO 183595...và chúng tôi đồng ý chuyển nhượng cho ông T, bà Tr để thanh toán số tiền vay trên”*; và cũng tại Biên bản định giá tài sản bảo đảm tại thời điểm định giá 04/5/2019 của Ngân hàng Viettinbank thì nhà và đất có giá trị là 10.027.000.000 đồng nên thỏa thuận giá chuyển nhượng nhà và đất tại 101 Tr, thành phố Đà Nẵng giữa các bên vào thời điểm 2020 là 10.500.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với thực tế.

[3.2] Do ông C và bà T1 không làm thủ tục giải chấp nên nên ngày 27/12/2020 giữa các bên tiếp tục có Biên bản thỏa thuận với nội dung: *“Vào lúc 20h50’ ngày 15/10/2020 tại địa chỉ 89 Tr, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng, vi bằng số 129/2020/VB-TPL được lập bởi Thừa phát lại Trọng Tín cho việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho thửa đất số ..(101 Tr, phường B). Thời hạn từ ngày 15/12/2020 đến chậm nhất ngày 28/12/2020. Nhưng vì một số lý do trong công việc nên đến thời điểm này bên B vẫn chưa hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Phòng Công chứng sang cho bên A. Hôm nay chúng tôi cùng nhau thỏa thuận lại lần cuối cùng cho việc hoàn tất các thủ tục mua bán đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất sẽ dời lại ngày 16/3/2021...Nếu trong trường hợp ngày 16/3/2021 bên B không tiến hành chuyển nhượng...cho bên A thì bên B chịu phạt số tiền 150% số tiền vay (15.750.000.000đ) như các thỏa thuận có trong vi bằng”*.

[3.3] Dù đã được gia hạn nhiều lần nhưng ông C và bà T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng tài sản, trong quá trình giải quyết ông T và bà Tr khai rằng đã nhiều lần yêu cầu ông C và bà T1 thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng tài sản và trả tiền lãi nhưng ông C và bà T1 không thực hiện. Tuy nhiên, ngày 02/6/2021 ông T và bà Tr tiếp tục cho ông C và bà T1 vay thêm số tiền 10.500.000.000 đồng với mục đích vay là *“Giải quyết hồ sơ vay, giải chấp tài sản nhà đất tại Ngân hàng”* là không phù hợp với thực tế.

[3.4] Cũng tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và bà Tr trình bày về thời gian, địa điểm và phương thức giao nhận tiền theo Giấy vay tiền ngày 02/6/2021 có nhiều

mâu thuẫn, cụ thể là có lúc ông T và bà Tr cho rằng ông C và bà T1 đem tiền mặt tại nhà ông từ 2 - 3 giờ đồng hồ, có lúc cho rằng tiền được ông T chuyển cho một người khác nhờ rút từ Ngân hàng về còn nguyên tờ nên đem nhanh, một phần tiền là của cha mẹ cho mượn.... nhưng không trình bày được là rút tiền từ Ngân hàng nào, ai là người được ông T chuyển tiền rồi rút từ Ngân hàng nào về đưa lại cho ông T, mặt khác ngoài chữ ký của ông C và bà T1 tại giấy vay tiền ông T và bà Tr không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh có việc giao tiền. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở để xác định mặc dù các bên có ký kết giấy vay tiền ngày 02/6/2021 nhưng trên thực tế không có việc giao nhận tiền.

[3.5] Ngày 05/11/2021 các bên tiếp tục lập Giấy cam kết với nội dung *“Chúng tôi cam kết trong thời hạn đến hết ngày 28/12/2021 sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng vay với Ngân hàng Viettinbank xóa thế chấp đối với ngôi nhà.....Sau đó sẽ tiến hành chuyển nhượng toàn bộ nhà đất này cho ông Bùi Tấn Trọng T, bà Lê Việt Tr và sẽ trả lãi suất theo thỏa thuận giữa hai bên là 8,8%/năm. Nếu hết thời hạn chúng tôi không thể hoặc không chuyển nhượng nhà đất nói trên cho ông T, bà Tr thì chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trả cho ông T, bà Tr số tiền đã vay 21.000.000đ”*.

Như vậy, sau khi đã ký giấy vay tiền ngày 02/6/2021 ông T và bà Tr vẫn tiếp tục có ý định mua nhà và đất tại 101 Tr, thành phố Đà Nẵng của ông C và bà T1. Tại nội dung cam kết này, các bên đề cập trách nhiệm trả *“số tiền đã vay 21.000.000.000đ”* chỉ khi ông C và bà T1 *“không thể hoặc không chuyển nhượng nhà đất”*; cũng tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà Tr khai rằng nếu ông C và bà T1 chuyển nhượng nhà và đất theo thỏa thuận thì ông C và bà T1 không phát sinh nợ tiền. Như vậy, trong trường hợp các bên tiếp tục tiến hành thủ tục chuyển nhượng nhà và đất thì yêu cầu trả tiền không được đặt ra đồng nghĩa với việc ông T và bà Tr nhận chuyển nhượng nhà và đất với giá 21.000.000.000đ, điều này là mâu thuẫn bởi lẽ như đã nhận định ở trên thì nhà đất tại thời điểm chuyển nhượng chỉ có giá trị 10.500.000.000đ.

[3.6] Do vậy, HĐXX thấy rằng ngày 02/6/2021 các bên viết Giấy vay tiền mục đích là để ràng buộc nghĩa vụ của ông C và bà T1 trong việc chuyển nhượng nhà và đất số 101 Tr, thành phố Đà Nẵng; Giấy cam kết ngày 05/11/2021 chỉ là thỏa thuận nghĩa vụ phạt cọc trong trường hợp ông C và bà T1 không chuyển nhượng nhà và đất theo thỏa thuận. Do vậy có đủ cơ sở để xác định mặc dù các bên

có ký kết giấy vay tiền ngày 02/6/2021 nhưng trên thực tế không có việc giao nhận tiền nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà Tr đối với Giấy vay tiền ngày 02/6/2021.

[4] Từ những phân tích trên, HĐXX thấy Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc ông C và bà T1 phải trả cho ông T và bà Tr số tiền 10.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 2.233.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 04/5/2020 và không chấp nhận yêu cầu của ông T và bà Tr đối với số tiền gốc là 10.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 1.232.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 02/06/2021 là có cơ sở. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr và giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện với số tiền 12.733.000.000 đồng nên ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T1 phải chịu là $112.000.000đ + (8.733.000.000đ \times 0,1\%) = 120.733.000$ đồng.

- Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện với số tiền 11.732.000.000 đồng nên ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr phải chịu là $112.000.000đ + (7.732.000.000đ \times 0,1\%) = 119.732.000$ đồng.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 và Khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 166; Điều 274; Điều 275; Điều 280; Điều 357 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr. Giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr đối với ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T1 phải trả cho ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr số tiền gốc là 10.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 2.233.000.000 đồng, tổng cộng là 12.733.000.000đ (*Mười hai tỷ bảy trăm ba mươi ba triệu đồng*) theo Hợp đồng vay tiền ngày 04/5/2020.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 01/10/2022 dựa trên Hợp đồng vay tài sản ngày 04/5/2020 (8,8,%/năm) cho đến khi ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T1 thanh toán xong khoản nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr về việc yêu cầu ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T1 phải trả số tiền vay là 10.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 1.232.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 02/06/2021.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T1 phải chịu là 120.733.000 đồng.

+ Ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr phải chịu là 119.732.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 65.693.500 đồng theo biên lai thu số 0000700 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải C, thành phố Đà Nẵng. Ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr còn phải tiếp tục nộp số tiền là 54.038.500 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Tấn Trọng T và bà Lê Việt Tr phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006212 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Dũng